

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam  
Thông tin chung**

**Giấy chứng nhận đăng ký chào  
bán chứng chỉ quỹ ra công chúng**

05/GCN-UBCK cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009

**Giấy chứng nhận đăng ký thành lập  
Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

03/GCN-UBCK cấp ngày 18 tháng 4 năm 2013

Giấy Chứng nhận đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định. Giấy Chứng nhận đăng ký thành lập được sửa đổi theo Quyết định số 397/QĐ-UBCK ngày 7 tháng 5 năm 2015.

**Ban Đại diện Quỹ**

Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch (từ ngày 5 tháng 4 năm 2016)
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên (từ ngày 5 tháng 4 năm 2016)
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên (từ ngày 5 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Trường Giang	Chủ tịch (đến ngày 4 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Kiên Cường	Phó Chủ tịch (đến ngày 4 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên (đến ngày 4 tháng 4 năm 2016)
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên (đến ngày 4 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên (đến ngày 4 tháng 4 năm 2016)

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngô Đức Kế  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**


Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Nguyễn Quang Trung, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 

  
Ông Nguyễn Quang Trung  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh,

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá định hoạt động liên tục trừ phi giá định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định của Thông tư 183 và của Thông tư 15 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện đánh giá tính phù hợp của giá định hoạt động liên tục và kết luận rằng việc áp dụng giá định này để lập báo cáo tài chính giữa niên độ là phù hợp. Các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Quỹ đã được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **I. Thông tin chung về Quỹ**

#### **1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

#### **2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là (51,54%) so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo. Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu.

#### **3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Mục tiêu chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ sử dụng mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường (trend following). Mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính để nắm bắt chính xác các xu hướng trung và dài hạn xuất hiện trên các thị trường khác nhau. Cụ thể, mô hình này đầu tư dựa trên cơ chế như sau: mua khi thị trường có xu hướng tăng và bán khống khi thị trường có xu hướng giảm. Vì bán khống (short sell) chưa được thực hiện ở thị trường Việt Nam, chiến lược đầu tư theo xu hướng mà Quỹ sử dụng không thể tìm kiếm lợi nhuận khi thị trường đi vào xu hướng giảm. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường mà Quỹ đề ra vẫn có khả năng tạo ra lợi nhuận ở cả hai xu hướng thị trường (xu hướng tăng và xu hướng giảm) trong tương lai khi Luật cho phép nghiệp vụ bán khống được thực hiện. Chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường không tìm cách dự đoán thị trường mà thay vào đó là giải ngân khi thị trường đã xuất hiện các xu thế rõ ràng và thoát khỏi thị trường (exit) khi các xu thế trên đã kết thúc hoặc đảo chiều. Hơn nữa, phương pháp đầu tư này có mức lợi nhuận không tương quan với phương pháp đầu tư truyền thống (“buy and hold”) vì chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường thực hiện bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

#### **4. Phân loại Quỹ: Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

#### **5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không có**

#### **6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình**

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

7. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** ngày 2 tháng 4 năm 2010

8. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 17.909.748.072 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 2.623.408,26 CCQ

9. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có

10. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

11. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ (tại thời điểm báo cáo):**

Không có.

**II. Số liệu hoạt động**

1. **Cơ cấu tài sản Quỹ:**

Cơ cấu tài sản Quỹ	30/6/2016 (%)	30/6/2015 (%)	30/6/2014 (%)
		<b>Chưa soát xét</b>	<b>Chưa soát xét</b>
1. Danh mục chứng khoán	22,88	63,77	32,40
2. Tài sản khác	77,12	36,23	67,60
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

2. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

Chỉ tiêu	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2014
		<b>Chưa soát xét</b>	<b>Chưa soát xét</b>
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	17.909.748.072	87.351.006.733	92.813.586.952
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	2.623.408,26	11.885.261,74	12.612.528,27
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	6.826,90	7.349,52	7.358,84

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2014
		<b>Chưa soát xét</b>	<b>Chưa soát xét</b>
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	7.172,82	7.460,09	7.733,65
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	6.162,84	6.990,24	6.867,00
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(17,82%)	(0,08%)	8,41%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(0,84%)	(0,07%)	0,12%
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(16,98%)	(0,02%)	8,28%
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	4,58%	2,75%	3,19%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	2,06	1,52	1,64



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
	<b>Chưa soát xét</b>	<b>Chưa soát xét</b>
- 1 năm	(7,1)	(7,1)
- 3 năm	(4,1)	(1,4)
- Từ khi thành lập	(31,7)	(5,9)
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

Thời kỳ	30/6/2016 (%)	30/6/2015 (%)	30/6/2014 (%)	30/6/2013 (%)
		<b>Chưa soát xét</b>	<b>Chưa soát xét</b>	<b>Chưa soát xét</b>
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(7,1)	(0,1)	3,4	(1,4)

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

**1. Tăng trưởng GDP quý II/2016 thấp hơn dự kiến**

Số liệu công bố về tăng trưởng GDP quý 2 năm 2016 (5,55%) và 6 tháng đầu năm (5,52% so với cùng kỳ năm trước ) đã thấp hơn đáng kể so với các dự báo (6,1% - HSBC; 6,17% - CIEM). Mức tăng trưởng thấp này chủ yếu do tác động từ việc tăng trưởng âm của nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản (-0,18%) và mức tăng trưởng yếu hơn đáng kể của nhóm ngành Công nghiệp và xây dựng (tăng 7,12% so với mức tăng 9,66% trong 6 tháng đầu năm 2015). Giá dầu thấp trong nửa đầu năm 2016 đã có tác động mạnh tới việc tăng trưởng khi ngành khai khoáng giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước (trong đó sản lượng khai thác dầu thô giảm 6,1% so với cùng kỳ năm trước). Ngành dịch vụ có mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2012 tới nay và đóng góp 2,38% vào mức tăng trưởng 5,52% trong 6 tháng đầu năm. Mức tăng trưởng thấp cũng do tác động của giá tăng tổng cầu trong 6 tháng đầu năm 2016 thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng trưởng giá trị bán lẻ hàng hóa dịch vụ sau 6 tháng tăng 7,5% (sau khi điều chỉnh cho tác động của lạm phát) so với mức tăng 8,3% của năm 2015. Việc suy giảm sản xuất nông nghiệp và dầu mỏ cũng tác động tới kim ngạch xuất khẩu khi giá trị xuất khẩu chỉ tăng 5,9% (6 tháng 2016) so với mức tăng 9,3% của năm 2015. Trong các báo cáo gần nhất từ Chính phủ tới Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức tăng trưởng GDP cả năm 2016 được dự báo ở mức 6,3% tới 6,5%, thấp hơn mục tiêu đã đề ra đầu năm là 6,7%.

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **2. Tăng trưởng tín dụng và cung tiền**

Xu hướng tăng trưởng mạnh tín dụng và cung tiền đã diễn ra trong các tháng đầu quý 2 2016 tiếp tục xảy ra trong tháng 6. Tới cuối tháng 6 2016, các công bố từ Ngân hàng Nhà nước cho thấy tăng trưởng tín dụng và tăng cung tiền đã đạt được mức tương ứng 17,7% và 19,5% so với cùng kỳ năm 2015. Tín dụng và cung tiền đã tăng rất nhanh trong tháng 6, tới ngày 24/6 tín dụng đã tăng 6,82% so với số liệu ngày 31/12/2015 (tới ngày 31/5/2016 tăng 5,48%). Tín dụng bằng Việt nam Đồng đã tăng 8,11% so với đầu năm và tăng 22,95% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 90,8% tổng tín dụng cung cấp cho nền kinh tế. Ngược lại với xu hướng của tín dụng bằng đồng Việt Nam, tín dụng bằng ngoại tệ đã giảm 4,6% so với số liệu tại cuối năm 2015. Điều này cho thấy chính sách giảm cho vay bằng ngoại tệ để giảm tình trạng Đô la hóa đã phát huy tác dụng. Tín dụng và cung tiền tăng với tốc độ cao đã tạo được tiền đề cần thiết cho tăng trưởng trong nửa sau năm 2016 để có thể bù đắp cho mức tăng trưởng yếu trong 6 tháng đầu năm. Chính phủ sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng trong các tháng còn lại của năm, thực hiện mục tiêu giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ phát triển kinh tế.

### **3. Sức ép thay đổi tỷ giá VND-USD từ biến động tỷ giá USD-CNY giảm đáng kể**

Với việc mua vào trên 8 tỷ Đô la Mỹ trong 6 tháng đầu năm 2016 và thực hiện tốt chức năng người giao dịch cuối cùng trên thị trường, Ngân hàng Nhà nước đã duy trì ổn định tỷ giá giữa Đồng Việt nam và Đô la Mỹ. Tại thời điểm đầu năm 2016, rủi ro về biến động tỷ giá USD-CNY dẫn tới việc giảm giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ được coi là cao khi kinh tế Trung quốc chưa có các dấu hiệu phục hồi rõ ràng. Tuy nhiên các biến động trên thực tế trong 6 tháng đầu năm 2016, đặc biệt các biến động được quan sát sau khi xảy ra sự kiện Brexit, đã cho thấy tỷ giá USD-VND có sự ổn định và không chịu tác động của biến động tỷ giá USD-CNY. Sau giai đoạn biến động ngắn trong các ngày trong tuần sau ngày 23/6/2016, tỷ giá USD-VND đã quay lại mức trước đó và ổn định. Trong các tháng còn lại của năm 2016, tỷ giá giữa đồng VND và USD được dự báo tiếp tục ổn định. Các dự báo vào ngày 11/7/2016 do Bloomberg thu thập từ các tổ chức trên thị trường cho thấy khả năng giảm giá của Đồng Việt nam tối đa thêm 1% so với Đô la Mỹ vào thời điểm cuối năm 2016. Đây là điểm mạnh trong việc duy trì kinh tế vĩ mô ổn định để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng còn lại của năm 2016.



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**4. FDI: điểm sáng đầu năm**

FDI là điểm sáng trong hoạt động kinh tế 6 tháng đầu năm 2016. Trong 6 tháng đã có 1.145 dự án FDI mới với tổng vốn đăng ký là 7,497 tỷ USD, tăng 95,3% so với cùng kỳ năm 2015. Cùng kỳ, có 535 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 3,787 tỷ USD, tăng 129% so với cùng kỳ năm 2015. Như vậy tính chung trong 6 tháng đầu năm 2016, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 11,284 tỷ USD, tăng 105,4% so với cùng kỳ năm 2015. Lĩnh vực chế biến chế tạo tiếp tục thu hút được sự quan tâm nhiều nhất của người đầu tư nước ngoài với 488 dự án đầu tư đăng ký mới và 405 lượt dự án điều chỉnh vốn, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 8,06 tỷ USD, chiếm 71,4% tổng vốn đầu tư đăng ký trong 6 tháng. Khoảng cách giữa lĩnh vực chế biến chế tạo và lĩnh vực bất động sản (đứng thứ 2) là rất lớn khi bất động sản đã thu hút được 604,8 triệu Đô la Mỹ giá trị đầu tư. Nhà đầu tư Hàn quốc hiện đang đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam với tổng giá trị vốn cấp mới và điều chỉnh lên tới 3,99 tỷ USD (chiếm 35,37% tổng giá trị đầu tư). Trong 6 tháng, các dự án cũng đã giải ngân được 7,25 tỷ USD giá trị đầu tư, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2015. Giải ngân FDI, kiều hối cùng với thặng dư thương mại (xấp xỉ 2 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2016) là nguồn cung việc gia tăng quỹ dự trữ ngoại hối trong thời gian qua. Việc chuẩn bị cho Hiệp ước Thương mại Xuyên Thái bình dương (TPP) đã được nhà đầu tư nước ngoài thực hiện tích cực ngay từ đầu năm và sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2016.

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:**

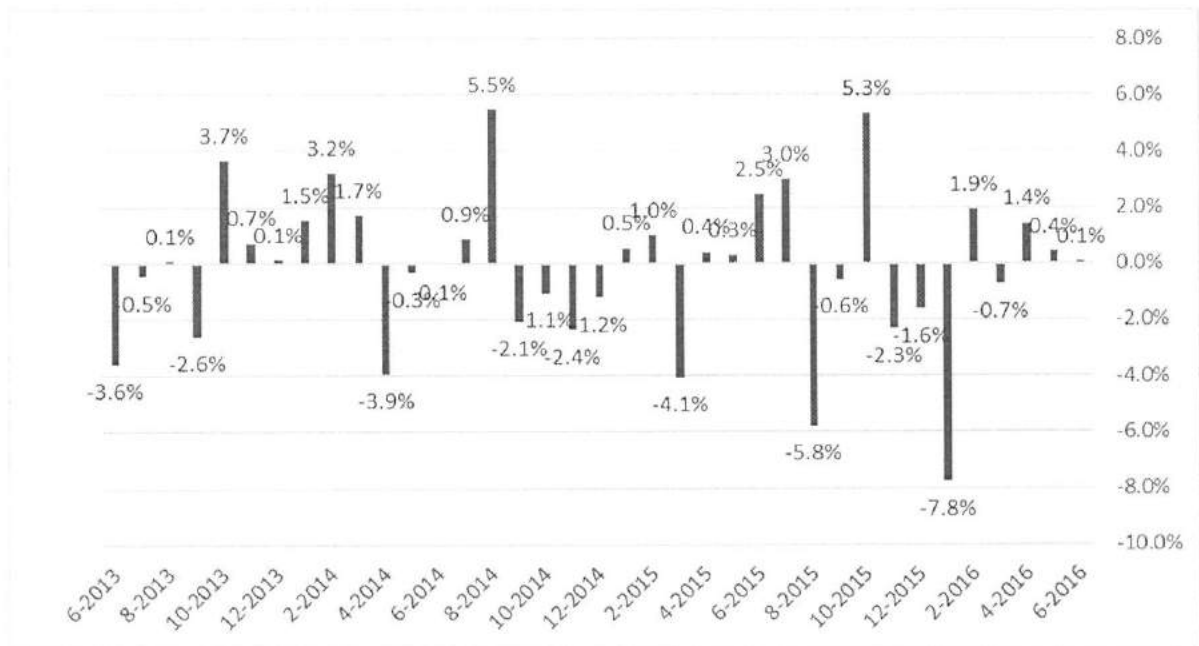
**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
	<b>Chưa soát xét</b>	<b>Chưa soát xét</b>	<b>Chưa soát xét</b>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(16,98)	0,01	(255,26)
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	(0,84)	(0,00)	(1,71)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(17,82)	0,01	(256,97)
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	(17,82)	0,01	(256,97)
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

- Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;
- Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	$3 = ((1)-(2))/(2)$
		<b>Chưa soát xét</b>	
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	17.909.748.072	87.351.006.733	(79,50%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	6.826,90	7.349,52	(7,11%)

Trong giai đoạn 12 tháng từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, nhà đầu tư của Quỹ đã thực hiện rút vốn nhiều lần với giá trị khá lớn. Do đó, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm rất mạnh với mức 79,50%. Trong cùng thời gian, kết quả hoạt động của Quỹ cũng bị ảnh hưởng theo cho nên NAV/chứng chỉ quỹ cũng giảm với mức 7,11%.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	53	42.248,26	1,61%
Từ 5.000 - 10.000	5	27.000,00	1,03%
Từ 10.000 đến 50.000	2	30.000,00	1,14%
Từ 50.000 đến 500.000	3	524.160,00	19,98%
Trên 500.000	1	2.000.000,00	76,24%
<b>Tổng cộng</b>	<b>64</b>	<b>2.623.408,26</b>	<b>100,00%</b>

**5. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Thị trường chứng khoán năm 2016 mở đầu bằng những thông tin kinh tế không khả quan của Trung Quốc cũng như áp lực rút vốn mạnh mẽ khỏi các thị trường mới nổi khi Cục dự trữ liên bang Mỹ có dự định tiếp tục tăng lãi suất trong năm 2016. Ngược chiều với những thông tin không tốt từ kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam lại đang trong quá trình phục hồi và phát triển tốt. Do vậy, thông tin tốt xấu đan xen sẽ phân hóa các ngành cũng như cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các cổ phiếu có thị phần lớn trong nước, nhập khẩu nguyên vật liệu từ thế giới sẽ có lợi khi nhu cầu trong nước vẫn phát triển tốt, giá nguyên vật liệu trong xu hướng giảm khi Trung Quốc là nước sử dụng nhiều nguyên vật liệu nhất đang phát triển chậm lại như ngành thực phẩm và nước giải khát, bán lẻ. Các nhóm ngành phụ thuộc vào xuất khẩu, có hàng hóa cạnh tranh với hàng hóa Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng khi Trung Quốc đang trong giai đoạn tái cơ cấu nền kinh tế như ngành Vật liệu thép.

Ngoài những công ty có thị phần nội địa lớn hưởng lợi từ việc giá nguyên vật liệu rẻ và nhu cầu trong nước tốt thì những ngành có liên quan đến thị trường bất động sản cũng sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2016 khi lượng giao dịch mua bán bất động sản tăng trưởng rất mạnh trong năm 2015. Những ngành được hưởng lợi khi thị trường bất động sản tăng trưởng là những ngành thuộc sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, hàng hóa công nghiệp.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Thêm vào đó, với việc gia nhập hàng loạt các hiệp định thương mại song phương và đa phương như FTA, TPP, dòng tiền đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ được thu hút mạnh vào Việt Nam nhằm tận dụng các điều khoản thuế suất cũng như ưu đãi của các nước nằm trong hiệp định. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước cũng sẽ được thúc đẩy nhờ vào dòng vốn nước ngoài. Các ngành vận tải, logistic, dệt may... cũng có nhiều lợi thế cho tăng trưởng.

**VI. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ, và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ	Lương Thị Mỹ Hạnh	Điều hành Quỹ	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Trần Lê Minh	Điều hành Quỹ	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ban Đại diện Quỹ	Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2003 đến 2006: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa - Từ 2006 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt
	Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	- Từ 2011 đến 2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán AS - Từ 2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín




**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên	Luật sư	- Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ	Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	- Từ 2003 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Nguyễn Minh Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc tài chính	Thạc sỹ Tài chính – Kinh tế	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
	Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
	Trần Văn Hiếu	Quyền Phó Tổng Giám đốc – Khối huy động vốn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành Công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam</li> <li>- Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án Công ty Generali Việt Nam</li> <li>- Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam</li> <li>- Từ 2016 đến nay: Quyền Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam</li> </ul>

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam 



Ông Trần Thanh Lân  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam (“Quỹ”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Cụ thể tại một kỳ định giá ngày 10 tháng 6 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với mục 10, Điều 1, Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và Điều 11, Điều lệ Quỹ. Theo đó, do có sự biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ và Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp, danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại một tổ chức tín dụng. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép. Tại kỳ định giá ngày 17 tháng 6 năm 2016, Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian cho phép.


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hạn mức đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư theo Nghị quyết Nhà đầu tư thường niên cho năm tài chính 2015 vào ngày 5 tháng 4 năm 2016.
- e) Tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ ngày 13 tháng 5 năm 2016 và ngày 27 tháng 5 năm 2016, một số nhà đầu tư đã bán chứng chỉ quỹ với tổng số lượng là 2.262.000 chứng chỉ quỹ tương ứng 15.409.440.000 VND dẫn đến tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ đã giảm xuống dưới 30 tỷ VND kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 cho đến ngày phát hành báo cáo này.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard  
Chartered (Việt Nam)



Nhân viên giám sát 

**LÊ SỸ HOÀNG**  
Trưởng Phòng Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited  
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,  
E6 Phạm Hưng, Me Tri Ward,  
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000  
Fax : (84 4) 3837 8356  
Swift: SCBLVNVX





**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 18 đến trang 63.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định của Thông tư 183 và của Thông tư 15 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó trình bày lỗ thuần sau thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Quỹ là 1.798.530.560 VND và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã giảm 19.046.878.384 VND so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do việc mua lại chứng chỉ quỹ trong kỳ với giá trị 17.248.347.824 VND và biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ với giá trị 1.798.530.560 VND. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá gần nhất (ngày 4 tháng 8 năm 2016) là 4.086.849.909 VND, giảm 77% so với ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo quy định của Thông tư 183 và Điều lệ Quỹ, Quỹ buộc phải giải thể trong trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng. Tình trạng này phản ánh yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động của Quỹ.

## Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý rằng báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các thuyết minh liên quan đã không được kiểm toán hoặc soát xét bởi chúng tôi. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào về các báo cáo và thuyết minh đó.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B01g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 Chưa soát xét
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>(1.010.805.071)</b>	<b>1.801.306.378</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	10	124.926.000	987.640.000
1.2	Tiền lãi được nhận	03	10	187.917.929	892.518.978
1.3	Lỗ bán các khoản đầu tư	04	11	(3.666.934.827)	(914.724.340)
1.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	12	2.343.285.827	835.871.740
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>95.333.209</b>	<b>196.348.835</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	13	95.333.209	196.348.835
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>692.392.280</b>	<b>1.185.528.317</b>
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	17	267.938.855	762.598.511
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	17	99.063.532	33.932.317
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	17	99.000.000	75.758.065
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	17	66.000.000	66.000.000
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5	17	51.218.878	62.096.774
3.6	Chi phí họp, Đại hội Nhà đầu tư thường niên	20.7		3.610.153	5.445.250
3.7	Chi phí kiểm toán	20.8		55.359.447	60.552.740
3.8	Chi phí hoạt động khác	20.10	14	50.201.415	119.144.660
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)</b>	<b>23</b>		<b>(1.798.530.560)</b>	<b>419.429.226</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo thu nhập cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B01g – QM  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 Chưa soát xét
V	<b>TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>	<b>9</b>	<b>(1.798.530.560)</b>	<b>419.429.226</b>
5.1	Lỗ đã thực hiện	31		(4.141.816.387)	(416.442.514)
5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	32		2.343.285.827	835.871.740
VI	<b>(LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>(1.798.530.560)</b>	<b>419.429.226</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

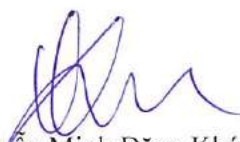
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh  
 Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm  
 Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B02g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>13.975.325.780</b>	<b>1.302.574.700</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		5.475.325.780	1.302.574.700
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	112		8.500.000.000	-
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>		<b>4.152.942.000</b>	<b>36.047.092.000</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	4.152.942.000	36.047.092.000
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>22.850.000</b>	<b>22.572.274</b>
3.1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		22.850.000	-
3.1.1	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136		22.850.000	-
3.2	Các khoản phải thu khác	137		-	22.572.274
	<b>TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>18.151.117.780</b>	<b>37.372.238.974</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	28.838.486
2	Chi phí phải trả	316	6	106.311.507	273.774.032
3	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	319	7	135.058.201	113.000.000
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 314 + 316 + 319)</b>	<b>300</b>		<b>241.369.708</b>	<b>415.612.518</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B02g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)</b>	<b>400</b>		<b>17.909.748.072</b>	<b>36.956.626.456</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>8</b>	<b>26.234.082.600</b>	<b>51.504.182.600</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		241.031.116.300	241.031.116.300
1.2	Vốn góp mua lại	413		(214.797.033.700)	(189.526.933.700)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>8</b>	<b>59.096.490.700</b>	<b>51.074.738.524</b>
<b>3</b>	<b>Lỗ lũy kế</b>	<b>420</b>	<b>9</b>	<b>(67.420.825.228)</b>	<b>(65.622.294.668)</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>8</b>	<b>6.826,90</b>	<b>7.175,46</b>
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			<b>30/6/2016 CCQ</b>	<b>30/6/2015 CCQ</b>
<b>1</b>	<b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành</b>	<b>004</b>	<b>16</b>	<b>2.623.408,26</b>	<b>5.150.418,26</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

  
 Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm  
 Giám đốc Tài chính


Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****Mẫu B03g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND
			Chưa soát xét
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu kỳ	36.956.626.456	86.931.577.507
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong kỳ	(1.798.530.560)	419.429.226
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(1.798.530.560)	419.429.226
III	Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(17.248.347.824)	-
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(17.248.347.824)	-
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ (IV = I + II + III)	17.909.748.072	87.351.006.733

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

  
Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chínhÔng Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B04g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/6/2016 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2016 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Mã cổ phiếu niêm yết</b>		<b>275.585</b>	<b>4.152.942.000</b>	<b>22,88%</b>
1	REE	54.165	20.500	1.110.382.500	6,12%
2	FPT	29.325	41.800	1.225.785.000	6,75%
3	NTL	34.560	10.300	355.968.000	1,96%
4	HHS	5.205	8.900	46.324.500	0,25%
5	PET	27.210	13.000	353.730.000	1,95%
6	DIG	108.000	8.300	896.400.000	4,94%
7	HVG	17.120	9.600	164.352.000	0,91%
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>22.850.000</b>	<b>0,13%</b>
1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận			22.850.000	0,13%
<b>III</b>	<b>Tiền</b>			<b>13.975.325.780</b>	<b>76,99%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền			13.975.325.780	76,99%
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>18.151.117.780</b>	<b>100,00%</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam


Người lập:

  
 Bà Vương Thị Trâm Anh  
 Kế toán Quỹ

Người duyệt:

  
 Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm  
 Giám đốc Tài chính



  
 Ông Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B05g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(1.798.530.560)	419.429.226
Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		(2.441.664.359)	(919.128.250)
Chênh lệch tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		(2.343.285.827)	(835.871.740)
Giảm chi phí trích trước	04		(98.378.532)	(83.256.510)
<b>Lỗ từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>		<b>(4.240.194.919)</b>	<b>(499.699.024)</b>
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư	06		34.237.435.827	(27.346.011.660)
Giảm phải thu về bán các khoản đầu tư	06		-	123.900
Tăng dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		(22.850.000)	(120.137.503)
Giảm các khoản phải thu khác	08		22.572.274	-
Giảm phải trả về mua các khoản đầu tư	10		-	(958.320.000)
Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		(28.838.486)	-
Giảm phải trả, phải nộp khác	16		(69.083.993)	(26.857.714)
Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		22.058.201	(105.543.822)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>		<b>29.921.098.904</b>	<b>(29.056.445.823)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	32	9	(17.248.347.824)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>		<b>(17.248.347.824)</b>	<b>-</b>
<b>Tăng/(giảm) tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ (40 = 19 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>12.672.751.080</b>	<b>(29.056.445.823)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

Mẫu B05g – QM  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng	Kỳ sáu tháng
			kết thúc ngày 30/6/2016 VND	kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4</b>	<b>1.302.574.700</b>	<b>60.659.766.170</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	51		1.302.574.700	60.659.766.170
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	52		1.302.574.700	19.159.766.170
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	52		-	41.500.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>55</b>	<b>4</b>	<b>13.975.325.780</b>	<b>31.603.320.347</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	56		13.975.325.780	31.603.320.347
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	57		5.475.325.780	2.603.320.347
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	57		8.500.000.000	29.000.000.000
<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>	<b>60</b>		<b>12.672.751.080</b>	<b>(29.056.445.823)</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh  
 Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm  
 Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 14/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 2 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 397/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 về việc sửa đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 03/GCN-UBCK (“Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập”) ngày 18 tháng 4 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 142/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010 và đã được hủy niêm yết ngày 11 tháng 3 năm 2013 theo Quyết định số 31/2013/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 1 năm 2013 cho mục đích chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở.

Quỹ đã chính thức chuyển đổi thành quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở vào ngày 19 tháng 4 năm 2013 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập này, tổng số vốn Điều Lệ của Quỹ là 240.437.600.000 Đồng Việt Nam tương đương với 24.043.760 chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành vào tháng 4 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất là vào ngày 5 tháng 4 năm 2016.

Mục tiêu chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được nắm giữ quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi ngân hàng, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- b. Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định trong Điều lệ Quỹ;
- c. Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- d. Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- e. Quỹ không đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trừ trường hợp đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện và có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch;
- f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- h. Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- i. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c. Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ được định giá hàng tuần và hàng tháng. Ngày định giá là ngày thứ sáu hàng tuần đối với kỳ định giá tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với kỳ định giá tháng. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ vào ngày thứ sáu hàng tuần. Nếu ngày giao dịch chứng chỉ quỹ rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch này sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là phòng 1701-04, tầng 17, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(c), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các chính sách kế toán trình bày sau đây được Quỹ áp dụng nhất quán trong kỳ.

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Quỹ là 1.798.530.560 VND và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã giảm 19.046.878.384 VND so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do việc mua lại chứng chỉ quỹ trong kỳ với giá trị 17.248.347.824 VND và biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ với giá trị 1.798.530.560 VND. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá gần nhất (ngày 4 tháng 8 năm 2016) là 4.086.849.909 VND, giảm 77% so với ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo quy định của Thông tư 183 và Điều lệ Quỹ, Quỹ buộc phải giải thể trong trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng. Tình trạng này phản ánh yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động của Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện đánh giá tính phù hợp của giả định hoạt động liên tục và kết luận rằng việc áp dụng giả định này để lập báo cáo tài chính giữa niên độ là phù hợp.

#### **(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

#### **(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(f) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

#### **(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

##### **(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

##### **(ii) Ghi nhận**

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### (iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư 183 và Thông tư 15, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

#### *Trái phiếu*

##### ▪ Trái phiếu niêm yết

- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);
- Trường hợp không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán trong nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận;
  - + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
  - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

##### ▪ Trái phiếu không niêm yết

Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có), tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;
- Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt;
- Giá xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp nhận;
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
  - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá;
    - + Giá mua;
    - + Giá trị sổ sách; hoặc
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch
  - Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
  - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt;
    - + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
    - + Giá mua;
    - + Giá trị sổ sách; hoặc
    - + Giá xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch
  - Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - Giá trị sổ sách;
    - Mệnh giá; hoặc
    - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản
  - Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
    - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### ***Chứng khoán phái sinh***

- Chứng khoán phái sinh niêm yết được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán đó trước ngày định giá.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
- Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh được đánh giá lại trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý.

#### ***Quyền mua cổ phiếu***

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo tài chính theo giá trị được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

#### ***Các khoản đầu tư khác***

Giá xác định theo phương pháp đã được qui định của pháp luật cho phép và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

#### ***(iv) Chấm dứt ghi nhận***

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

#### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỉ lệ trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo thu nhập trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi.

#### (e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho Nhà đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

#### (f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(g) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty Quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

#### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### (h) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

#### *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (2015: 22%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

### (i) Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

#### *(i) Vốn góp của nhà đầu tư*

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

#### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

### ***Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

### ***(ii) Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư***

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá của các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

### ***(iii) Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính.

### ***(iv) Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư***

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư trong kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

### ***(j) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở***

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.



## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ dựa trên tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

#### **(k) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

##### **(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

##### **(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### **(l) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**(m) Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ**

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

**(n) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**(p) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối kỳ tại các ngân hàng sau đây:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ</b>		
▪ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	5.475.325.780	1.302.574.700
<b>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</b>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	3.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Bắc Á	2.500.000.000	-
	<hr/>	
	8.500.000.000	-
	<hr/>	
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13.975.325.780	1.302.574.700

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng hưởng lãi suất trong kỳ từ 5,2% đến 5,5% một năm (31/12/2015: từ 1,0% đến 5,2% một năm). Trong trường hợp rút trước thời gian đáo hạn, các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất dưới 1% một năm.

## Quý Đầu tư Năng động Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

## 5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được Quý đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quý không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quý đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong kỳ		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.600.978.776	4.152.942.000			4.152.942.000
Cổ phiếu niêm yết				(448.036.776)	
<hr/>					
	Giá mua VND [1]	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong năm		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	38.838.414.603	36.047.092.000	1.008.135.226	(3.799.457.829)	36.047.092.000
Cổ phiếu niêm yết					



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**6. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí kiểm toán	60.169.402	121.000.000
Phí báo cáo thường niên	13.567.356	16.154.000
Phí môi giới	2.599.396	59.493.326
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	14.132.518	26.322.581
Phí công tác, họp Ban Đại diện Quỹ	-	43.544.125
Phí họp đại hội thường niên	10.870.153	7.260.000
Phí quản lý thường niên của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	4.972.682	-
	<hr/>	<hr/>
	106.311.507	273.774.032
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ**

	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí quản lý Quỹ	26.358.201	-
Phí lưu ký tài sản Quỹ	15.200.000	19.500.000
- Phải trả phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000	15.000.000
- Phải trả phí dịch vụ lưu ký - giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán	200.000	4.500.000
Phí giám sát Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phí quản trị Quỹ	11.000.000	11.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.000
	<hr/>	<hr/>
	135.058.201	113.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 8. Vốn góp của nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 03/GCN-UBCK ngày 18 tháng 4 năm 2013, vốn điều lệ của Quỹ là 240.437.600.000 VND tương ứng với 24.043.760 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số lượng chứng chỉ quỹ tại thời điểm chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2015 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2016 VND
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	24.103.111,63	-	24.103.111,63
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	241.031.116.300	-	241.031.116.300
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	(158.516.300)	-	(158.516.300)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	240.872.600.000	-	240.872.600.000
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(18.952.693,37)	(2.527.010,00)	(21.479.703,37)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(189.526.933.700)	(25.270.100.000)	(214.797.033.700)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	51.233.254.824	8.021.752.176	59.255.007.000
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(138.293.678.876)	(17.248.347.824)	(155.542.026.700)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>	CCQ	5.150.418,26	(2.527.010,00)	2.623.408,26
<b>Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b>	VND	51.504.182.600	(25.270.100.000)	26.234.082.600
<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)</b>	VND	51.074.738.524	8.021.752.176	59.096.490.700
<b>Lỗ lũy kế (12)</b>	VND	(65.622.294.668)	(1.798.530.560)	(67.420.825.228)
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>	VND	36.956.626.456		17.909.748.072
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>	VND/ CCQ	7.175,46		6.826,90

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**9. Lũy kế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Lũy kế đầu kỳ	(65.622.294.668)	(64.649.690.991)
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế trong kỳ	(1.798.530.560)	419.429.226
Trong đó		
<i>Lỗ đã thực hiện</i>	(4.141.816.387)	(416.442.514)
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	2.343.285.827	835.871.740
Lũy kế cuối kỳ	(67,420,825,228)	(64,230,261,765)

**10. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét
Cổ tức được chia trong kỳ		
<i>Cổ tức phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	124.926.000	880.590.000
<i>Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận</i>	-	107.050.000
	124.926.000	987.640.000
Tiền lãi được nhận trong kỳ		
<i>Tiền lãi phát sinh trong kỳ đã nhận từ tiền gửi ngân hàng</i>	165.067.929	827.013.421
<i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i>	22.850.000	65.505.557
	187.917.929	892.518.978
	312.843.929	1.880.158.978

**Quý Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**11. Lỗ bán các khoản đầu tư**

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lỗ bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND [3] = [1] - [2]	(Lỗ)/lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2016 VND [4] = [3] + [5]	(Lỗ)/lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2015 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	46.371.243.000	50.038.177.827	(3.666.934.827)	(7.022.045.404)	(3.355.110.577)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	90.769.863	90.769.863
	46.371.243.000	50.038.177.827	(3.666.934.827)	(6.931.275.541)	(3.264.340.714)

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (chưa soát xét)**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lỗ bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND [3] = [1] - [2]	(Lỗ)/lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2015 VND [4] = [3] + [5]	(Lỗ)/lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2014 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	51.308.977.000	52.223.701.340	(914.724.340)	(3.258.077.840)	(2.343.353.500)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	90.769.863	90.769.863
	51.308.977.000	52.223.701.340	(914.724.340)	(3.167.307.977)	(2.252.583.637)



**Quý Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**12. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 30/6/2016 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 30/6/2016 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2015 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND [5] = [3] - [4]
Cổ phiếu niêm yết	4.600.978.776	4.152.942.000	(448.036.776)	(2.791.322.603)	2.343.285.827

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (chưa soát xét)

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 30/6/2015 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 30/6/2015 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2014 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND [5] = [3] - [4]
Cổ phiếu niêm yết	56.221.730.260	55.923.909.400	(297.820.860)	(1.133.692.600)	835.871.740

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét</b>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư (*)	23.701.113	119.354.570
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư (*)	69.556.861	76.963.465
Chi phí giao dịch thanh toán bù trừ	2.075.235	30.800
	<hr/>	<hr/>
	95.333.209	196.348.835

(\*) Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư nêu trên bao gồm chủ yếu phí môi giới cho việc mua bán các cổ phiếu niêm yết.

**Quý Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Trong kỳ, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

STT [1]	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ báo cáo [2]	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ [3]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán				
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND [4]	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND [5]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ [6] = [4]/[5][%]	Phí giao dịch bình quân [7]	Phí giao dịch bình quân trên thị trường [8]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	29.695.287.000	62.171.985.000	47,76%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	22.324.352.000	62.171.985.000	35,91%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	10.152.346.000	62.171.985.000	16,33%	0,15%	0,15%-0,50%
<b>Tổng</b>			<b>62.171.985.000</b>			<b>100,00%</b>	

**Quý Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (chưa soát xét)**

STT [1]	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ báo cáo [2]	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ [3]	Giá trị giao dịch				Phí giao dịch bình quần [7]	Phí giao dịch bình quân trên thị trường [8]
			Tỷ lệ giao dịch của Quỹ trong kỳ của Quỹ chứng khoán VND [4]	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND [5]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ [6] = [4]/[5][%]	Phí giao dịch bình quần [7]		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	64.178.255.000	130.878.690.000	49,04%	0,15%	0,15%-0,50%	
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	49.767.521.000	130.878.690.000	38,02%	0,15%	0,15%-0,50%	
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	10.899.372.000	130.878.690.000	8,33%	0,15%	0,15%-0,50%	
<b>Tổng</b>			<b>124.845.148.000</b>			<b>95,39%</b>		

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chi tiền gửi và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**14. Chi phí hoạt động khác**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 17)	70.809.937	90.279.908
Chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ	(43.544.125)	21.593.116
Chi phí báo cáo thường niên	8.032.856	(25.612.524)
Phí ngân hàng	9.330.065	11.425.252
Phí quản lý thường niên của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	4.972.682	4.958.908
Phí thiết lập ban đầu (Thuyết minh 17)	-	16.500.000
Chi phí khác	600.000	-
	50.201.415	119.144.660



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**15. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016					
Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3]=[1]/[2]	
	31/12/2015	36.956.626.456	5.150.418,26	7.175,46	
1	03/01/2016	36.943.070.367	5.150.418,26	7.172,82	(2,64)
2	07/01/2016	35.687.467.547	5.150.418,26	6.929,04	(243,78)
3	14/01/2016	34.706.887.580	5.150.418,26	6.738,65	(190,39)
4	21/01/2016	31.741.241.887	5.150.418,26	6.162,84	(575,81)
5	28/01/2016	33.485.196.285	5.150.418,26	6.501,45	338,61
6	31/01/2016	34.087.693.251	5.150.418,26	6.618,43	116,98
7	04/02/2016	33.807.346.911	5.150.418,26	6.564,00	(54,43)
8	14/02/2016	33.920.323.289	5.150.418,26	6.585,93	21,93
9	18/02/2016	34.315.776.081	5.150.418,26	6.662,71	76,78
10	25/02/2016	34.810.356.218	5.150.418,26	6.758,74	96,03
11	29/02/2016	34.750.287.516	5.150.418,26	6.747,08	(11,66)
12	03/03/2016	34.859.318.577	5.150.418,26	6.768,25	21,17
13	10/03/2016	35.341.211.885	5.150.418,26	6.861,81	93,56
14	17/03/2016	35.738.903.670	5.150.418,26	6.939,02	77,21
15	24/03/2016	33.411.173.023	4.885.418,26	6.838,95	(100,07)
16	31/03/2016	32.718.641.428	4.885.418,26	6.697,20	(141,75)
17	07/04/2016	32.900.402.672	4.885.418,26	6.734,40	37,20
18	14/04/2016	33.064.437.893	4.885.408,26	6.767,99	33,59
19	21/04/2016	32.638.708.297	4.885.408,26	6.680,85	(87,14)
20	28/04/2016	33.137.377.840	4.885.408,26	6.782,92	102,07
21	30/04/2016	33.185.427.247	4.885.408,26	6.792,76	9,84
22	05/05/2016	33.394.668.229	4.885.408,26	6.835,59	42,83
23	12/05/2016	33.329.721.050	4.885.408,26	6.822,30	(13,29)
24	19/05/2016	26.604.009.753	3.885.408,26	6.847,15	24,85
25	26/05/2016	26.437.838.910	3.885.408,26	6.804,39	(42,76)
26	31/05/2016	17.896.104.740	2.623.408,26	6.821,70	17,31
27	02/06/2016	17.937.814.974	2.623.408,26	6.837,59	15,89
28	09/06/2016	18.223.190.653	2.623.408,26	6.946,37	108,78
29	16/06/2016	18.048.429.106	2.623.408,26	6.879,76	(66,61)
30	23/06/2016	18.052.525.429	2.623.408,26	6.881,32	1,56
31	30/06/2016	17.909.748.072	2.623.408,26	6.826,90	(54,42)
▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		30.252.293.146			
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất					(575,81)
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất					1,56

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản	Số lượng	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
		ròng (NAV) VND [1]	chứng chỉ quỹ CCQ [2]	tại ngày tính NAV VND/CCQ [3]=[1]/[2]	
	31/12/2014	86.931.577.507	11.885.261,74	7.314,23	
1	04/01/2015	86.926.737.160	11.885.261,74	7.313,83	(0,41)
2	08/01/2015	87.300.913.114	11.885.261,74	7.345,31	31,48
3	15/01/2015	88.367.128.502	11.885.261,74	7.435,02	89,71
4	22/01/2015	87.617.463.274	11.885.261,74	7.371,94	(63,08)
5	29/01/2015	88.129.423.506	11.885.261,74	7.415,02	43,08
6	31/01/2015	87.400.669.926	11.885.261,74	7.353,70	(61,32)
7	05/02/2015	86.332.228.695	11.885.261,74	7.263,81	(89,90)
8	12/02/2015	87.744.712.116	11.885.261,74	7.382,65	118,84
9	23/02/2015	87.818.070.494	11.885.261,74	7.388,82	6,17
10	26/02/2015	88.665.122.054	11.885.261,74	7.460,09	71,27
11	28/02/2015	88.271.524.639	11.885.261,74	7.426,97	(33,12)
12	05/03/2015	88.630.249.960	11.885.261,74	7.457,16	30,18
13	12/03/2015	87.986.330.241	11.885.261,74	7.402,98	(54,18)
14	19/03/2015	86.785.922.651	11.885.261,74	7.301,98	(101,00)
15	26/03/2015	85.549.052.201	11.885.261,74	7.197,91	(104,07)
16	31/03/2015	84.670.467.470	11.885.261,74	7.123,99	(73,92)
17	02/04/2015	84.232.696.526	11.885.261,74	7.087,16	(36,83)
18	09/04/2015	84.682.423.516	11.885.261,74	7.124,99	37,84
19	16/04/2015	85.784.907.756	11.885.261,74	7.217,76	92,76
20	23/04/2015	85.202.218.134	11.885.261,74	7.168,73	(49,03)
21	30/04/2015	85.010.448.288	11.885.261,74	7.152,59	(16,14)
22	03/05/2015	85.029.357.510	11.885.261,74	7.154,18	1,59
23	07/05/2015	83.859.584.869	11.885.261,74	7.055,76	(98,42)
24	14/05/2015	83.080.922.782	11.885.261,74	6.990,24	(65,52)
25	21/05/2015	84.115.547.997	11.885.261,74	7.077,29	87,05
26	28/05/2015	85.593.148.687	11.885.261,74	7.201,62	124,33
27	31/05/2015	85.262.008.143	11.885.261,74	7.173,75	(27,87)
28	04/06/2015	84.604.445.432	11.885.261,74	7.118,43	(55,32)
29	11/06/2015	86.906.383.538	11.885.261,74	7.312,11	193,68
30	18/06/2015	86.632.325.327	11.885.261,74	7.289,05	(23,06)
31	25/06/2015	86.856.090.420	11.885.261,74	7.307,88	18,83
32	30/06/2015	87.351.006.733	11.885.261,74	7.349,52	41,64
▪ Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ		86.357.324.032			
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất					193,68
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất					(0,41)

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**16. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành**

	<b>30/6/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>CCQ</b>	<b>CCQ</b>
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ		
▪ Trên một năm	2.623.408,26	5.150.418,26

**17. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác**

**(a) Các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

***Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ***

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét</b>
Phí quản lý Quỹ	267.938.855	762.598.511

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ tối đa là 2% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (2015: 2% một năm). Tỷ lệ phí quản lý Quỹ được Công ty Quản lý Quỹ xác định trong từng giai đoạn đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 14)	70.809.937	90.279.908

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**(b) Các hợp đồng then chốt khác**

**Giao dịch với Ngân hàng Giám sát**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND Chưa soát xét</b>
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	99.063.532	33.932.317
- <i>Phí lưu ký - bảo quản tài sản</i>	90.000.000	19.923.413
- <i>Phí lưu ký - giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán</i>	4.900.000	4.150.000
- <i>Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán</i>	4.163.532	9.858.904
Phí dịch vụ giám sát	99.000.000	75.758.065
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	66.000.000	66.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	51.218.878	62.096.774
Phí thiết lập ban đầu (Thuyết minh 14)	-	16.500.000
Thu nhập lãi từ tài khoản vãng lai	3.737.095	9.753.696
	<b>319.019.505</b>	<b>264.040.852</b>

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCB”) là Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ từ ngày 8 tháng 5 năm 2015 (Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát đến ngày 7 tháng 5 năm 2015). SCB đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, giám sát tài sản, phí quản trị quỹ và phí đại lý chuyên nhượng hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể như sau:

#### ***Đến ngày 7 tháng 5 năm 2015***

- Phí giám sát là 0,02% NAV/năm.
- Phí lưu ký là 0,06% NAV/năm.
- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán là 150.000 VND cho một giao dịch nhưng không vượt quá 0,15% NAV/năm tính trên NAV trung bình của các kỳ định giá.
- Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) là phí do HSBC thu hàng tháng theo biểu phí của TTLKCK sau đó thanh toán lại cho TTLKCK.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,035% NAV/năm.
- Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng bao gồm hai nhóm phí như sau:
  - Nhóm phí tính trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch gồm:
    - + Phí duy trì nhà đầu tư hàng năm là 0,04% NAV/năm.
    - + Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyên nhượng là 0,03% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyên nhượng.
  - Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm:
    - + Phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư gồm tạo dữ liệu nhà đầu tư là 15.000 VND mỗi nhà đầu tư và tạo dữ liệu đại lý phân phối là 1.000.000 VND mỗi đại lý.
    - + Các chi phí khác như phí gửi thư số lượng lớn, chi phí trả cổ tức, chi phí tính toán và chi trả phí hoa hồng và phí thường đại lý...

Tổng mức phí tối thiểu và tối đa của phí lưu ký, giám sát, phí quản trị Quỹ và phí đại lý chuyên nhượng:

- Tổng mức phí tối thiểu của phí lưu ký (không bao gồm phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán), phí giám sát, phí quản trị Quỹ và phí đại lý chuyên nhượng là 50.000.000 VND/tháng
- Tổng mức phí tối đa của phí lưu ký, giám sát, phí quản trị Quỹ và phí đại lý chuyên nhượng là 0,45% NAV/năm.

#### ***Từ ngày 8 tháng 5 năm 2015***

- Phí giám sát:
  - NAV dưới 1.000 tỷ VND: 0,035% NAV/năm
  - NAV trên 1.000 tỷ VND: 0,02% NAV/năm

Mức phí giám sát tối thiểu là 15.000.000 VND/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.

## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

▪ Phí lưu ký:

- NAV dưới 600 tỷ VND: 0,06% NAV/năm
- NAV từ 600 tỷ VND đến 1.000 tỷ VND: 0,05% NAV/năm
- NAV trên 1.000 tỷ VND: 0,04% NAV/năm

Mức phí lưu ký tối thiểu là 15.000.000 VND/tháng, không có thuế GTGT.

▪ Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán là 100.000 VND cho một giao dịch.

▪ Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) là phí do SCB thu hàng tháng theo biểu phí của TTLKCK sau đó thanh toán lại cho TTLKCK.

▪ Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,02% NAV/năm. Mức phí dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 10.000.000 VND/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.

▪ Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Phí đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng là 10.000.000 VND/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.
- Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, chuyển nhượng và miễn phí cho 400 giao dịch đầu tiên mỗi tháng.
- Phí thực hiện quyền là 1.000.000 VND cho 1 lần cung cấp danh sách thực hiện quyền.
- Tổng phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng không quá 0,03% NAV/năm.
- Tổng phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 96.000.000 VND/năm (8.000.000/tháng), chưa bao gồm thuế GTGT và luôn áp dụng mức tối thiểu này.

## 18. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 Chưa soát xét
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
1 Phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	1,77%	1,77%
2 Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	1,31%	0,25%
3 Phí quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,77%	0,30%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,37%	0,14%

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 Chưa soát xét</b>	
5	Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,47%	0,21%
6	Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	4,58%	2,75%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/ NAV trung bình trong kỳ (%)	205,51%	151,55%
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>			
1	<b>Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	51.504.182.600	118.852.617.400
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	5.150.418,26	11.885.261,74
2	<b>Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>		
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(2.527.010,00)	-
	Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(25.270.100.000)	-
3	<b>Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)</b>		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	26.234.082.600	118.852.617.400
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	2.623.408,26	11.885.261,74
4	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ</b>	76,34%	25,60%
5	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ</b>	98,20%	96,22%
6	<b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ</b>	0,18%	50,10%
7	<b>Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>	64	81
8	<b>NAV/ đơn vị quỹ cuối kỳ</b>	6.826,90	7.349,52



## Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

### 19. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

#### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do tính chất ngắn hạn của chúng. Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền không chiết khấu VND</b>	<b>Không quá 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 đến 2 năm VND</b>	<b>Từ 2 đến 5 năm VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Chi phí phải trả	106.311.507	106.311.507	106.311.507	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	135.058.201	135.058.201	135.058.201	-	-
	<b>241.369.708</b>	<b>241.369.708</b>	<b>241.369.708</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>					
Chi phí phải trả	273.774.032	273.774.032	273.774.032	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	113.000.000	113.000.000	113.000.000	-	-
	<b>386.774.032</b>	<b>386.774.032</b>	<b>386.774.032</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## **Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

##### **(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

##### **(ii) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

##### **(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 4.152.942.000 Đồng Việt Nam (31/12/2015: 36.047.092.000 Đồng Việt Nam). Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ biến động giá trung bình của các chứng khoán này vào cuối kỳ xấp xỉ 17% (2015: 15%). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 17% tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (31/12/2015: 15%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 706.000.140 Đồng Việt Nam (31/12/2015: 5.407.063.800 Đồng Việt Nam).



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**(d) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập</i>				
▪ Các khoản đầu tư	4.152.942.000	4.152.942.000	36.047.092.000	36.047.092.000
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	13.975.325.780	13.975.325.780	1.302.574.700	1.302.574.700
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	22.850.000	22.850.000	-	-
▪ Phải thu khác	-	-	22.572.274	22.572.274
	<b>18.151.117.780</b>	<b>18.151.117.780</b>	<b>37.372.238.974</b>	<b>37.372.238.974</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Chi phí phải trả	106.311.507	106.311.507	273.774.032	273.774.032
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	135.058.201	135.058.201	113.000.000	113.000.000
	<b>241.369.708</b>	<b>241.369.708</b>	<b>386.774.032</b>	<b>386.774.032</b>

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



**Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày báo cáo tình hình tài chính.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**20. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

**(a) Suy giảm giá trị khoản đầu tư**

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính của Quỹ là 3.968 triệu VND thể hiện khoản giảm giá 185 triệu VND so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 do sự suy giảm trên thị trường trong nước. Không có khoản điều chỉnh nào được lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày cho báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(b) Suy giảm giá trị tài sản ròng**

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá gần nhất (ngày 4 tháng 8 năm 2016) là 4.086.849.909 VND, giảm 77% so với ngày kết thúc kỳ kế toán.

**21. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 10 tháng 8 năm 2016.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

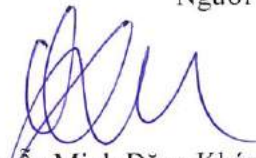
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Người lập:



Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm  
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc